

2			<i>tối thiểu</i> <u>    </u> <i>năm hoặc</i> <i>tối thiểu</i> <u>    </u> <i>hợp đồng</i>	
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

#### **3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

**Các tiêu chí đánh giá kỹ thuật E-HSDT được thể hiện theo bảng dưới đây:**

<b>TT</b>	<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	
<b>1</b>	<b>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ</b>		
1.1	Tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu	Có đủ các tài liệu theo yêu cầu tại Mục 10.8 BDL	<b>Đạt</b>
		Không Có đủ các tài liệu theo yêu cầu tại Mục 10.8 BDL	<b>Không đạt</b>
1.2	Đặc tính, thông số kỹ	- Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu	<b>Đạt</b>

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Mục 1 (Yêu cầu về kỹ thuật. Chương V của HSMT; - Có catalogue của: Hàng hoá cung cấp cho gói thầu: (thông số kỹ thuật trong catalogue phù hợp với thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất).	
		- Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu Mục 1 (Yêu cầu về kỹ thuật), Chương V của HSMT; - Không có catalogue của: Hàng hoá cung cấp cho gói thầu: (thông số kỹ thuật trong catalogue phù hợp với thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất).	<b>Không đạt</b>
<b>2</b>	<b>Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa</b>		
	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa	Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	<b>Đạt</b>
		Không có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	<b>Không đạt</b>
<b>3</b>	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
	Tiến độ cung cấp hàng hóa	≤ 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	<b>Đạt</b>
		> 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	<b>Không đạt</b>
<b>4</b>	<b>Khả năng thích ứng về địa lý và tác động đối với môi trường</b>		
<b>4.1</b>	<b>Khả năng thích ứng về địa lý</b>		
	Khả năng thích ứng về địa lý	Hàng hóa cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý (có cam kết kèm theo)	<b>Đạt</b>
		Hàng hóa cung cấp không thích ứng về địa lý (không có cam kết kèm theo)	<b>Không đạt</b>
<b>4.2</b>	<b>Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết</b>		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường (có cam kết kèm theo)	<b>Đạt</b>
		Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường (không có cam kết kèm theo)	<b>Không đạt</b>
<b>5</b>	<b>Bảo hành</b>		
	Bảo hành	Có cam kết về thời gian bảo hành đối với hàng hóa cung cấp: Thời gian bảo hành $\geq$ 24 tháng và không nhỏ hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất	<b>Đạt</b>
		Thời gian bảo hành $<$ 24 tháng và nhỏ hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất	<b>Không đạt</b>
<b>6</b>	<b>Uy tín của nhà thầu</b>		
	<b>Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện thương thảo và hoàn thiện hợp đồng trước đó:</b> - Theo kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu định kỳ/hàng năm do Tổng công ty điện lực miền Bắc phê duyệt gần nhất với thời điểm đóng thầu, nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) không có hợp đồng bị đánh giá là không đạt hoặc không có từ 02 hợp đồng trở lên bị đánh giá là cảnh báo	Nhà thầu có cam kết thực hiện đầy đủ về việc thương thảo hợp đồng và hoàn thiện ký kết hợp đồng đầy đủ cho các hợp đồng trước đó	<b>Đạt</b>
		Nhà thầu không có cam kết (kể cả đã được yêu cầu cung cấp bổ sung cam kết về uy tín nhà thầu) hoặc có tài liệu chứng minh Không thương thảo hợp đồng hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trước đó	<b>Không đạt</b>
<b>7</b>	<b>Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ.</b>		
	Điều kiện thương mại, đào tạo chuyển giao công nghệ hợp lý, khả	Nhà thầu cung cấp văn bản cam kết đáp ứng hoàn toàn các điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công	<b>Đạt</b>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	thì phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp	nghệ đáp ứng yêu cầu EHSMT	
		HSDT có nội dung thể hiện không đáp ứng hoàn toàn các điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu E-HSMT.	<b>Không đạt</b>
<b>8</b>	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa		
	Cung cấp vật tư, thiết bị thay thế trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa (dự kiến 05 năm)	Có cam kết	<b>Đạt</b>
	Cung cấp vật tư, thiết bị thay thế trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa (dự kiến 05 năm)	Không có cam kết	<b>Không đạt</b>
<b>9</b>	<b>Các yếu tố cần thiết khác</b>		
	Bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình vận hành chạy thử.	Có cam kết	<b>Đạt</b>
		Không có cam kết	<b>Không đạt</b>
	<b>Kết luận</b>	Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá ở bước tiếp theo.	

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **4.2. Phương pháp giá đánh giá<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV thì xác định giá dự thầu sau giảm giá (nếu có).

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV thì xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có).

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{\text{ĐG}} = G \pm \Delta_G + \Delta_{\text{ƯĐ}}$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu xác định tại Bước 1 khoản này;

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 Mục 4 Chương này.

-  $\Delta_{UD}$  là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 28 E-CDNT.

-  $\Delta_G$  là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa. Theo đó, khi xây dựng tiêu chuẩn giá đánh giá, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể cân nhắc lượng hóa một hoặc các yếu tố khác ngoài giá dự thầu. Các yếu tố đó có thể bao gồm:

a) Thời gian giao hàng:

*Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.*

*Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể lượng hóa thành tiền ưu thế của 01 ngày hàng hóa đưa vào sử dụng sớm (trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ tiết kiệm được A (VND) thì sử dụng yếu tố này để đưa vào công thức xác định giá đánh giá. Trường hợp nhà thầu giao hàng muộn hơn so với ngày giao hàng sớm nhất là X ngày (nhưng vẫn trong khoảng thời gian theo tiến độ giao hàng) sẽ bị cộng thêm một khoản tiền là:  $A \times X$  (VND) vào giá dự thầu của nhà thầu này để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

b) Tiến độ thanh toán:

*Nhà thầu phải chào giá theo biểu tiến độ thanh toán quy định tại E-ĐKCT. E-HSMT sẽ được so sánh trên cơ sở giá chào theo biểu tiến độ thanh toán theo quy định. Tuy nhiên, cùng với biểu tiến độ thanh toán quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu được phép đề xuất một biểu tiến độ thanh toán khác và đề xuất giảm giá theo biểu tiến độ thanh toán này. Sau khi nhà thầu được lựa chọn trúng thầu trên cơ sở so sánh giá chào theo biểu tiến độ thanh toán ban đầu thì Chủ đầu tư có thể xem xét biểu tiến độ thanh toán thay thế và giảm giá của nhà thầu này.*

c) Chi phí cho các hạng mục vật tư, phụ tùng thay thế trong thời gian đầu:

\_\_\_ [Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn theo một trong hai cách sau đây:

*Nhà thầu có trách nhiệm lập danh sách và chào giá cho vật tư, phụ tùng thay thế trong thời gian vận hành ban đầu quy định tại Mục 15.10 E-BDL. Giá chào của các vật tư, phụ tùng thay thế này sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để làm cơ sở so sánh E-HSMT, xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng cam kết với giá đề xuất tại điểm này trong quá trình sử dụng.*

**hoặc**

*Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lập danh sách các vật tư, phụ tùng thay thế có tần suất sử dụng và giá trị lớn trong thời gian vận hành ban đầu quy định tại Mục 15.10 E-BDL. Nhà thầu phải chào đơn giá, thành tiền cho các vật tư, phụ tùng*

thay thế này. Giá chào của các hàng hóa này sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để làm cơ sở so sánh E-HSĐT, xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng cam kết với giá đề xuất trong quá trình sử dụng.

d) Khả năng sẵn sàng cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và các dịch vụ sau bán hàng cho hàng hóa được chào trong E-HSĐT tại địa điểm dự án:

Để phục vụ việc so sánh E-HSĐT, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu sẽ được cộng thêm một khoản tiền tương đương với chi phí mà Chủ đầu tư phải bỏ ra để thiết lập các cơ sở dịch vụ tối thiểu và lưu kho các vật tư, phụ tùng thay thế nếu các mục này được chào riêng rẽ.

đ) Chi phí vòng đời sử dụng:

Chi phí vòng đời nên được sử dụng khi chi phí dành cho vận hành và bảo dưỡng trong vòng đời sử dụng của hàng hóa là đáng kể so với chi phí mua hàng hóa và có thể khác nhau giữa các E-HSĐT. Chi phí vòng đời sẽ được đánh giá trên cơ sở giá trị hiện tại ròng. Nếu áp dụng chi phí vòng đời thì có thể xem xét đưa vào các yếu tố sau cho mục đích so sánh, xếp hạng nhà thầu:

+ Số năm tính chi phí vòng đời: \_\_\_ [ghi số năm];

+ Tỷ lệ chiết khấu tính giá trị hiện tại ròng đối với chi phí vận hành và bảo dưỡng: \_\_\_ [ghi tỷ lệ chiết khấu];

+ Chi phí vận hành và bảo dưỡng hằng năm trong suốt vòng đời của hàng hóa được xác định theo cách thức: \_\_\_ [ghi cách thức xác định];

+ Giá trị thanh lý;

+ Các yếu tố khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư, tổ chuyên gia;

+ Nhà thầu phải cung cấp các thông tin sau: \_\_\_\_\_ [nêu các thông tin nhà thầu phải cung cấp (nếu cần)].

e) Hiệu suất và công suất của thiết bị:

Để so sánh E-HSĐT, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu sẽ trừ đi một khoản tiền tương ứng với mức chênh lệch về công suất, hiệu suất giữa đề xuất của nhà thầu và mức yêu cầu tối thiểu trong E-HSĐT. Cụ thể như sau: \_\_\_\_\_ [ghi công thức điều chỉnh]. Ví dụ: 01% hoặc 01 đơn vị chênh lệch giữa hiệu suất và công suất của thiết bị mà E-HSĐT chào ưu việt hơn so với mức yêu cầu tối thiểu trong E-HSĐT được coi là tương đương với \_\_\_\_\_ [ghi số tiền mà Chủ đầu tư có thể có lợi do hiệu suất, công suất cao hơn].

g) Hàng hóa được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương (nếu có): \_\_\_\_\_ [Trường hợp áp dụng tiêu chí này, chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của hàng hóa được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương ...so với mức yêu cầu tối thiểu].

h) Đấu thầu bền vững (nếu có): \_\_\_\_\_ [Trường hợp áp dụng tiêu chí này, chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của thông số, chỉ số về môi trường, xã hội...so với mức yêu cầu tối thiểu. Trường hợp ưu tiên sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương thì cần quy định cụ thể].

i) Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

k) Thông tin về chất lượng hàng hóa tương tự đã sử dụng được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có), bao gồm cả việc xem xét xuất xứ.

l) Các tiêu chuẩn khác (nếu có):

- Trường hợp trong phạm vi cung cấp có đưa ra các yêu cầu về đấu thầu bền vững như yêu cầu về khí thải, mức tiêu hao nhiên liệu, vật liệu tái chế, tái sử dụng... thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc đồng thời với tiêu chí đạt/không đạt sẽ lượng hóa các yếu tố này thành tiền nếu vượt mức yêu cầu tối thiểu.

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSĐT sẽ được đánh giá như sau: \_\_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

#### **Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)**

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSĐT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.